

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 701/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 07 năm 2019 về việc “Ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Kim D, sinh năm 1981,

Địa chỉ: 23/36/10E đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn*: Ông Mai Hồng D, sinh năm 1981,

Địa chỉ: 23/36/10E đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Bùi Thị Kim D, sinh năm 1981 và ông Mai Hồng D, sinh năm 1981.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim D và ông Mai Hồng D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyền số I/2003 ngày 30/7/2004 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng không còn giá trị pháp luật kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

2.2. Về con chung: Bà Bùi Thị Kim D được quyền trực tiếp nuôi 01 (một) con chung tên Mai Trung D (nam), sinh ngày 06/5/2005 và có quyền yêu cầu

ông Mai Hồng D cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của bà D.

Ông Mai Hồng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Bùi Thị Kim D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Mai Hồng D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Mai Hồng D.

Trong trường hợp bà Bùi Thị Kim D không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông Mai Hồng D hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Phương thức cấp dưỡng:

Ông Mai Hồng D cấp dưỡng nuôi con chung tổng số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Bắt đầu thi hành kể từ tháng 10/2019;

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông D chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng do bà Bùi Thị Kim D tự nguyện nộp nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012437 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà D và ông D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Oánh